

Số: 27/NQ-HĐND

Bắc Yên, ngày 20 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán thu, chi ngân sách địa phương
huyện Bắc Yên năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BẮC YÊN
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016; Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh Sơn La về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh giai đoạn 2017 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Sơn La năm 2017; Nghị quyết số 93/2019/NQ-HĐND ngày 28/02/2019 của HĐND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2020; Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020; Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao chỉ tiêu phân đầu thu ngân sách trên địa bàn năm 2020;

Xét Tờ trình số 2372/TTr-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện tại; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-BKTXH ngày 17/12/2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Dự toán thu, chi Ngân sách địa phương huyện Bắc Yên năm 2020 như sau:

I. Tổng thu ngân sách địa phương 2020:	619.756.000.000 đồng;
<i>1. Thu trên địa bàn:</i>	<i>126.800.000.000 đồng;</i>
- Thu từ XNQD:	60.000.000 đồng;
- Thu ngoài quốc doanh	104.270.000.000 đồng;
+ Thuế TNDN:	250.000.000 đồng;
+ Thuế GTGT:	47.000.000.000 đồng;
+ Thuế tài nguyên:	56.930.000.000 đồng;
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt:	90.000.000 đồng;
- Thuế thu nhập cá nhân:	1.500.000.000 đồng;
- Thu tiền thuê đất, mặt nước:	160.000.000 đồng;
- Thu tiền sử dụng đất:	8.500.000.000 đồng;
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển:	7.000.000.000 đồng;
- Lệ phí trước bạ:	2.500.000.000 đồng;
- Phí và lệ phí:	1.000.000.000 đồng;
- Thu khác ngân sách:	1.810.000.000 đồng;
<i>2. Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên:</i>	<i>492.956.000.000 đồng;</i>
- Thu bổ sung cân đối ngân sách:	329.262.000.000 đồng;
<i>Trong đó:</i>	
+ Ngân sách huyện:	256.591.242.000 đồng;
+ Ngân sách xã:	72.670.758.000 đồng;
- Thu bổ sung có mục tiêu:	163.694.000.000 đồng;
II. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 là:	613.541.500.000 đồng
<i>1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>22.702.000.000 đồng;</i>
- Chi từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất:	7.225.000.000 đồng;
- Đầu tư xây dựng cơ bản tập trung nguồn bổ sung cân đối được phân cấp:	15.477.000.000 đồng.
<i>2. Chi thường xuyên</i>	<i>415.923.000.000 đồng;</i>

- Chi sự nghiệp kinh tế :	17.241.000.000	đồng;
- Chi sự nghiệp giáo dục:	264.686.000.000	đồng;
- Chi sự nghiệp Truyền thông – Văn hóa:	5.241.000.000	đồng;
- Chi đảm bảo xã hội:	16.960.000.000	đồng;
- Chi trung tâm chính trị:	1.779.000.000	đồng;
- Chi quản lý hành chính:	101.892.000.000	đồng;
- Chi quốc phòng, an ninh:	7.434.000.000	đồng;
- Chi khác ngân sách:	690.000.000	đồng;
3. Tăng thu 2020 (không bao gồm từ đất)- dự kiến giao khi phát sinh số thu:	2.432.500.000	đồng;
4. Dự phòng ngân sách:	8.790.000.000	đồng;
5. Chi chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững:	86.162.000.000	đồng;
6. Chi chương trình mục tiêu Quốc gia Nông thôn mới:	75.856.000.000	đồng;
7. Chi chương trình mục tiêu:	1.676.000.000	đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân huyện giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

2. Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Bắc Yên khóa XVII, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua././

Nơi nhận:

- TT HĐND, TT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HU, HĐND, UBND, UB MTTQ VN huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm thông tin tỉnh; Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TC-KH, 125 bản.

CHỦ TỊCH



Lữ Văn Là



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	567.568.000	696.926.568	619.756.000	-77.170.568	88,9
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	122.500.000	131.000.000	126.800.000	-4.200.000	96,8
-	Thu NSDP hưởng 100%	105.600.000	104.242.096	109.490.000	5.247.904	105,0
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	16.900.000	26.757.904	17.310.000	-9.447.904	64,7
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	445.068.000	517.061.081	492.956.000	-24.105.081	95,3
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	331.726.000	354.422.434	329.262.000	-25.160.434	92,9
	Trong đó:					
2	Thu bổ sung có mục tiêu	113.342.000,0	162.638.647	163.694.000	1.055.353	100,6
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		46.503.604			
VI	Nguồn CCTL ngân sách huyện chuyển nguồn năm 2017 sang		1.395.161			
VIII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên cấp trên		966.722			
B	TỔNG CHI NSDP	562.962.000	651.327.201	613.541.500	-37.785.701	94,2
I	Tổng chi cân đối NSDP	449.620.000	521.065.601	447.415.000	-73.650.601	85,9
1	Chi đầu tư phát triển (1)	21.522.000	70.223.232	22.702.000	-47.521.232	32,3
2	Chi thường xuyên	414.060.000	442.204.369	415.923.000	-26.281.369	94,1
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)					
5	Dự phòng ngân sách	8.638.000	8.638.000	8.790.000	152.000	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
II	TĂNG THU 2019 (KHÔNG BAO GỒM TỪ ĐẤT). Dự kiến	5.400.000		2.432.500	2.432.500	
1	50% Thực hiện CCTL	2.700.000		1.216.250		
2	Trích dự phòng NS huyện (2%)	108.000		48.650		
3	Số thu chưa giao chi tiết	2.592.000		1.167.600		
III	Chi các chương trình mục tiêu	113.342.000	130.261.600	163.694.000	33.432.400	125,7
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	113.342.000	129.306.100	162.018.000	32.711.900	125,3

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
	- Chi chương trình MTQG giảm nghèo	72.822.000	84.921.100	86.044.000	1.122.900	101,3
	+ <i>Vốn đầu tư</i>	72.822.000	65.429.900	70.252.000	4.822.100	
	+ <i>Vốn sự nghiệp</i>		19.491.200	15.792.000	-3.699.200	
	- Chương trình MTQG xây dựng NTM	40.520.000	44.301.000	75.856.000	31.555.000	
	+ <i>Vốn đầu tư</i>	40.520.000	35.334.000	63.059.000	27.725.000	
	+ <i>Vốn sự nghiệp</i>		8.967.000	12.797.000	3.830.000	
	- Nâng cao năng lực đánh giá, giám sát chương trình (vốn sự nghiệp)		84.000	118.000	34.000	
2	Chi các chương trình mục tiêu		955.500	1.676.000	720.500	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					

CHỦ TỊCH



Lữ Văn Lây

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	131.000.000	122.426.588	126.800.000	120.585.500	96,8	98,5
I	Thu nội địa	131.000.000	122.426.588	126.800.000	120.585.500	96,8	98,5
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	60.000	60.000	60.000	60.000	100,0	100,0
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	94.579.516	94.579.516	104.270.000	104.270.000	110,2	110,2
	- Thuế GTGT	41.881.516	41.881.516	47.000.000	47.000.000	112,2	112,2
	- Thuế TNDN	300.000	300.000	250.000	250.000	83,3	83,3
	- Thuế Tài nguyên	52.300.000	52.300.000	56.930.000	56.930.000	108,9	108,9
	- Thuế TTĐB	98.000	98.000	90.000	90.000	91,8	91,8
	- Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.400.000	1.400.000	1.500.000	1.500.000	107,1	107,1
6	Thuế bảo vệ môi trường			-			
7	Lệ phí trước bạ	2.798.775	2.798.775	2.500.000	2.500.000	89,3	89,3
8	Thu phí, lệ phí	1.550.718	1.550.718	1.000.000	1.000.000	64,5	64,5
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	514.023	450.000	160.000	160.000	31,1	35,6
12	Thu tiền sử dụng đất	19.000.000	16.150.000	8.500.000	7.225.000	44,7	44,7
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019		Dự toán năm 2020		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển	8.084.841	2.425.452	7.000.000	2.260.500	86,6	93,2
16	Thu khác ngân sách	3.012.126	3.012.126	1.810.000	1.610.000	60,1	53,5
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cô tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
21	Các khoản thu tại xã						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						

CHỦ TỊCH



Lữ Văn Lây

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Yên)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP SAU KHI GIAM TRỪ THEO KẾT LUẬN KTNN	562.962.000	613.541.500	50.579.500	109,0
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	449.620.000	449.847.500	227.500	100,1
I	Chi đầu tư phát triển (I)	21.522.000	22.702.000	1.180.000	105,5
1	Chi đầu tư cho các dự án	21.522.000	22.702.000		
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	9.180.000	7.225.000	-1.955.000	78,7
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			0	
-	Chi đầu tư XDCBTT	12.342.000	15.477.000	3.135.000	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên. Trong đó:	414.060.000	415.923.000	1.863.000	100,4
1	Chi giáo dục - đào tạo	253.711.000	264.686.000	10.975.000	104,3
2	Chi khoa học và công nghệ (2)				
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		3.630.000	3.630.000	
VII	Tăng thu NS không bao gồm thu từ đất - DK giao khi phát sinh số thu:	5.400.000	2.432.500	-2.967.500	
1	50% Thực hiện CCTL	2.700.000	1.216.250		
2	Trích dự phòng NS huyện (2%)	108.000	48.650		
3	Số thu chưa giao chi tiết	2.592.000	1.167.600		
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	113.342.000	163.694.000	48.676.000	
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	72.822.000	86.162.000	13.340.000	
1	Dự án 1: Chương trình 30a	54.342.000	58.135.000	3.793.000	
-	Vốn đầu tư	54.342.000	47.931.000	-6.411.000	
-	Vốn sự nghiệp		10.204.000	10.204.000	
2	Dự án 2: Chương trình 135	18.480.000	27.909.000	9.429.000	
-	Vốn đầu tư	18.480.000	22.321.000	3.841.000	
-	Vốn sự nghiệp		5.588.000	5.588.000	
3	Dự án 5: Nâng cao năng lực đánh giá, giám sát chương trình (vốn sự nghiệp)		118.000		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	40.520.000	75.856.000	35.336.000	
III	Chỉ các chương trình mục tiêu		1.676.000		
1	Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự ATGT, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy		40.000		
2	Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội		92.000		
3	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững		544.000		
4	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư		1.000.000		
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

CHỦ TỊCH



Lữ Văn Lây